

LUẬN TỶ BÀ SA

QUYỂN 13

Phần Thứ Ba Mười Chín: XỨ CỦA TÁM TRÍ

Tám trí là: Pháp trí, vị trí, tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí.

Hỏi: Vì sao Tôn giả kia soạn kinh dựa vào tám trí để soạn luận?

Đáp: Sở dĩ Tôn giả kia soạn kinh, là vì ý Tôn giả muốn thế. Như đã có ý muốn soạn kinh như thế, sẽ không trái với pháp, vì thế cho nên Tôn giả đã dựa vào tám trí để soạn luận.

Hoặc nói: Tôn giả kia soạn kinh, là vô sự.

Hỏi: Vì sao Tôn giả kia soạn kinh, nói là vô sự?

Đáp: Vì đây là Khế kinh Phật, Khế kinh nói tám trí. Người soạn kinh kia đã căn cứ vào xứ sở, gốc ngọn trong Khế kinh, đã soạn luận trong A-tỳ-đàm này. Người soạn kinh kia không thể bớt đi một trí trong tám trí đã lập, còn bảy trí, hay thêm một trí vào tám trí đã lập để thành chín trí.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì tất cả Khế kinh Phật không thêm, cũng không bớt. Không thêm, nghĩa là không thêm mà có thể giảm, không bớt, nghĩa là không bớt mà có thể thêm. Như không thêm, không bớt, cũng thế, sâu vô lượng, vô biên.

Sâu vô lượng: Là nghĩa vô lượng. Vô biên: Là vị vô biên.

Như biển cả sâu vô lượng vô biên. Cũng thế, Khế kinh Phật sâu vô lượng, vô biên. Sâu vô lượng: Là nghĩa vô lượng vô biên, là vị vô biên. Như Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Cũng thế, so sánh với trăm ngàn nathuật, dùng hai câu trong Khế kinh Phật tạo ra hàng trăm ngàn kinh, khiến cho trí tận được trụ, không thể cùng tận hai câu trong Khế kinh Phật, được bến bờ của Khế kinh. Như trong Khế kinh Phật là luận này, cho nên người soạn kinh là vô sự.

Hỏi: Nếu Khế kinh của Phật là luận về, Khế kinh của Phật là nói

vô lượng trí, hoặc nói hai trí, như trong Tăng nhất nói hai pháp, hoặc nói bốn trí, như trong Tăng nhất nói bốn pháp, hoặc nói tám trí, như trong Tăng nhất nói tám pháp, hoặc nói mười trí, như trong Tăng nhất nói mười pháp. Như trong Khế kinh Phật nói vô lượng chủng trí. Vì sao người soạn kinh kia lia vô lượng chủng trí, dựa vào tám trí mà soạn luận?

Đáp: Vì tám trí là nói ở giữa, cũng gồm thâm Nhất thiết trí. Hai trí dù gồm thâm Nhất thiết trí, nhưng hai trí ấy là chỉ lược nói. Mười trí dù gồm thâm Nhất thiết trí, nhưng chỉ là nói rất rộng.

Hoặc nói: Vì tám trí thường hiện ở trước. Tận trí, vô sinh trí không thường hiện ở trước.

Hoặc nói: Vì tám trí thường tư duy. Tận trí, vô sinh trí không thường tư duy.

Hoặc nói: Vì tám trí là kiến tánh và trí tánh. Mặc dù tận trí, vô sinh trí là trí tánh, nhưng chẳng phải kiến tánh.

Hoặc nói: Vì tám trí trong ý có dục, không có dục để đạt được. Tận trí, vô sinh trí thì hoàn toàn không có dục trong ý để đạt được. Như có dục, không có dục, cũng vậy, có giận dữ, không có giận dữ, có si, không có si, có mạn, không có mạn, như thế, đều phải biết.

Hoặc nói: Vì tám trí có thể đạt được trong ý của bậc Học, Vô học. Tận trí, vô sinh trí chỉ hoàn toàn có thể đạt được trong ý của bậc Vô học. Như Học, Vô học, cũng vậy, tạo tác, không tạo tác, mong cầu, không mong cầu, thôi dứt, không thôi dứt, đều nên biết như thế.

Vì thế cho nên người soạn kinh đã lia vô lượng chủng trí, dựa vào tám trí mà soạn luận. Người soạn kinh hoặc dựa vào khoảnh khắc của một trí để soạn luận, như Tạp Kiên-độ đã nói.

Có phải dùng một trí để biết tất cả pháp không?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Như trí này sinh tất cả pháp vô ngã, với đối tượng nào trí này lại không biết?

Đáp: Không biết tự nhiên, không biết pháp có chung, không biết pháp tương ứng.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì người soạn kinh đã dựa vào khoảnh khắc của một trí để soạn luận cho nên như thế. Nếu người soạn kinh đã dựa vào tất cả tám trí để soạn luận, mà hỏi.

Hỏi: Lại có một trí trong tám trí có thể biết tất cả pháp chăng?

Đáp: Cũng có thể đáp là có đẳng trí, là bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai,

một. Nếu người soạn kinh dựa vào một trí để soạn luận mà hỏi.

Hỏi: Có một trí biết tất cả pháp chăng?

Cũng có thể Đáp: Có, là đẳng trí, nếu người soạn kinh đã dựa vào khoảng khắc ở hai thời gian trong một trí để lập luận mà hỏi.

Hỏi: Có một trí biết tất cả pháp trong khoảng khắc hai thời gian không?

Đáp: Cũng có thể đáp có một trí biết trong khoảng hai thời gian, nghĩa là một trí biết trong khoảng khắc một thời gian, trừ pháp tự nhiên, tương ứng, pháp có chung, các pháp còn lại, nghĩa là biết hết tất cả pháp.

Nói một trí biết trong khoảng khắc hai thời gian, nghĩa là biết các pháp tự nhiên, tương ứng, có chung. Như thế, một trí trong khoảng khắc hai thời gian đều biết hết tất cả pháp, chỉ người soạn kinh với một trí trong khoảng một thời gian lập luận mà hỏi.

Hỏi: Có một trí biết tất cả pháp hay không?

Đáp: Không!

Tám trí: Là pháp trí, vị trí trí, tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí.

Hỏi: Tám trí có tánh gì?

Đáp: Thuộc về tánh tuệ. Một trì, một nhập, một ít đối tượng nhập của một ấm, thuộc về pháp tương ứng, pháp có chung. Ba trì, hai nhập, năm ấm, đây là tánh trí, đã gieo trồng nơi thân tướng nên tất cả tự nhiên.

Đã nói tánh xong, sẽ nói về hành:

Hỏi: Vì sao nói trí? Trí có nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa quyết định là nghĩa của trí.

Hỏi: Nếu nghĩa quyết định là nghĩa của trí, thì trong phẩm Nghi kia không nên có trí, vì phẩm Nghi kia không phải quyết định?

Đáp: Có trí trong phẩm Nghi, nghĩa là tánh quyết định, chỉ vì việc khác, nên gọi là phẩm Nghi.

Nói phẩm Nghi kia: Khổ là nghi ngờ do dự của khổ. Cũng thế, tập, tận, đạo là do dự nghi của đạo.

Phái Thí Dụ Giả nói: Trong tâm có trí, không nên có vô trí, trong tâm có nghi, không nên có quyết định.

Lại nữa, Phái Thí Dụ Giả hỏi vặn lại để trách cứ sư A-tỳ-đàm: Các vị sư A-tỳ-đàm nói pháp tánh cũng như thế, trong một tâm bày ra trí, bày ra không có trí, trong một tâm bày ra nghi, cũng bày ra quyết định, chỉ sư A-tỳ-đàm nói pháp tánh, trong một tâm bày ra trí, vô trí, cũng bày

ra không phải trí, không phải vô trí. Trong một tâm bày ra nghi, cũng bày ra quyết định, bày ra cũng không phải nghi, cũng không phải quyết định.

Trí là tuệ, vô trí là vô minh. Không phải trí, không phải không có trí pháp khác.

Nghi là do dự, quyết định là trí. Không phải nghi, không phải quyết định là pháp khác.

Hỏi: Ở đây nên nói là trí hay nên nói là liễu (biết rõ)?

Đáp: Vừa gọi là trí, vừa gọi là liễu. Trí là nghĩa quyết định, nghĩa là biết khổ, tập, tận, đạo. Liễu là nghĩa mở bày, nghĩa là mở bày ý mình, cũng mở bày ý người, vì thế nên vừa gọi là trí, vừa gọi là liễu.

Như thế là đã nói xong về hành chung, sẽ nói về hành riêng:

Hỏi: Như pháp tánh của tất cả mười trí, vì sao chỉ nói một pháp trí?

Đáp: Mười trí dù là pháp tánh, nhưng vì sự, nên nói một pháp trí. Biết mười tám giới dù là pháp tánh, nhưng vì sự nên nói một pháp giới. Như mười hai nhập, dù là pháp tánh, nhưng vì sự nên nói một pháp nhập. Như bảy giác ý dù là pháp tánh, nhưng vì sự nên nói một trạch pháp giác ý. Như sáu tư niệm dù là pháp tánh, nhưng vì sự nên nói một pháp niệm. Như bốn tín dù là pháp tánh, nhưng vì sự nên nói một pháp tín. Như bốn ý chỉ dù là pháp tánh, nhưng vì sự nên nói một pháp ý chỉ. Như bốn biện dù là pháp tánh, nhưng vì sự nên nói một pháp biện. Như Tam bảo, tam tự quy dù là pháp tánh, nhưng vì sự nên nói pháp quy của một pháp bảo.

Cũng thế, dù có mười trí là pháp tánh, nhưng vì sự nên nói một pháp trí.

Hoặc nói: Pháp trí này một danh, khác: Hai danh, Pháp trí là đồng danh, khác: Đồng, không đồng danh. Cho nên nói một pháp trí chẳng phải khác.

Hoặc nói: Pháp trí: bắt đầu giác ngộ pháp, như pháp cho nên nói pháp trí. Nói là giác ngộ sau như pháp là vị trí trí, là nói trí chưa biết.

Hoặc nói: Pháp trí: đầu tiên được niềm tin không hư hoại, cho nên nói pháp trí. Về sau được tín không hư hoại là vị trí trí.

Hoặc nói: Pháp trí, trừ kiết cội Dục, phần nhiều chẳng phải pháp tướng, như tánh giận, ngầm phần nộ, không nói, kiêu ngạo, hại, dua nịnh, lừa dối, không hổ, không thẹn, keo kiệt, ganh ghét. Cho nên nói pháp trí. Nói trừ các kiết là vị trí trí.

Hoặc nói: Pháp trí, pháp trí trừ kiết của cội Dục là pháp trí. Nói là

trừ kiết côi Sắc, Vô Sắc là vị trí trí.

Hỏi: Vì sao nói tri tha tâm trí?

Đáp: Là biết tâm người khác, cho nên gọi là tri tha tâm trí.

Hỏi: Như biết pháp tâm sở của người khác, vì sao nói là trí biết tâm người khác, không nói là trí biết pháp tâm sở?

Đáp: Vì mong cầu phương tiện, nên trí biết tâm người. Pháp này vì nhiều sự, nên được tên, hoặc vì tánh, hoặc vì chỗ dựa, hoặc vì tương ứng, hoặc vì tìm kiếm phương tiện, hoặc vì hành, hoặc vì duyên, hoặc vì hành duyên

Vì tánh mà được tên: Như giới, nhập, ấm.

Vì chỗ nương dựa mà được tên: Như thân sáu thức.

Nói là dựa vào mắt, nghĩa là mắt kia được gọi là nhãn thức. Nói là chỗ dựa cho đến ý, được gọi là ý thức.

Vì tương ứng nên được tên: Như pháp giác lạc thọ, pháp giác khổ thọ, pháp giác bất khổ bất lạc thọ.

Vì mong cầu phương tiện nên được tên: Như trí biết tâm người khác này.

Lại nữa, như hành của vô lượng Không xứ, vô lượng Thức xứ nên được tên gọi, như khổ trí, tập trí.

Vì duyên nên được tên: Như bốn ý chỉ, như năm kiến. Vì hành duyên của chánh thọ, nên được tên: Như tận trí, đạo trí. Trí này danh cũng đồng, duyên cũng đồng.

Trong đây vì cầu phương tiện nên gọi trí biết tâm người khác. Vì nhân trí này, nên hành giả kia siêng năng tinh tiến mong cầu phương tiện muốn cho ta biết được tâm người, sau đó, không siêng năng tinh tiến tìm phương tiện nữa, tự nhiên biết được pháp tâm sở của người. Như người mong muốn được thấy mặt vua. Khi đã thấy vua rồi, cũng đều thấy quyền thuộc của vua. Như thế, hành giả siêng năng tinh tiến tìm phương tiện muốn thấy được tâm người khác, sau đó, tự nhiên cũng sẽ biết được pháp tâm sở của người, cho nên như thế.

Hoặc nói: Vì diệu thuyết, diệu nghĩa thì hạng kia phải như thế nào mới là tâm tối diệu? Là như nói: Như nhà vua đi, quyền thuộc vua cùng đi theo, cho nên như thế.

Hoặc nói: Là tâm vương, vì nhân tâm vương kia, nên lập pháp tâm sở. Tâm: Gọi là đại địa. Vì nhân đại địa kia, nên lập ra mười Đại địa.

Hoặc nói: Khi thân thông của hành giả đã tác chứng, thì đạo vô ngại sẽ duyên tâm, cho nên như thế. Như thế, đã đáp về tâm như trước, đều đáp ở trong đây, cho nên nói là trí biết tâm người khác.

Hỏi: Vì sao nói là đẳng trí?

Đáp: Vì biết bình đẳng nên gọi là đẳng trí. Như ở trong đây hành tịnh, bất tịnh, hành tất cả như may, cắt, vá, đi, lại ngồi, nằm, nói năng, uống ăn, như thế, các sự việc khác, đây nói là biết bình đẳng, nên nói là đẳng trí.

Hỏi: Như biết khổ, tập, tận, đạo của đệ nhất nghĩa, cho đến tất cả pháp, vì sao đẳng trí mà không nói là đệ nhất nghĩa trí?

Đáp: Vì phần nhiều biết bình đẳng, nên gọi là đẳng trí, biết một ít đệ nhất nghĩa cho nên không nói đệ nhất nghĩa trí.

Hoặc nói: Vì ẩn mất, nên gọi là đẳng trí, cũng như đồ vật bị che lên trên, gọi là ẩn mất, cũng thế, vì trí này mất nên gọi là đẳng trí.

Hoặc nói: Trí này nói là dựa vào si, nối tiếp với si, được duy trì do si, nên gọi đẳng trí.

Tôn giả Bà-tu-mật nói: Trí này không phải tướng trí, chỉ do nhiều người nêu ra làm tướng trí, cho nên gọi đẳng trí, như đa số người kia đề cử làm họ vua, nhưng không phải giòng giống vua, chỉ do nhiều người họp lại suy tôn một người làm vua, do nhiều người đề cử, cho nên nói là nhiều người đề cử, chỉ vua như thế, trí này chẳng phải tướng trí, chỉ do nhiều người đề cử, không phải tướng trí, nên gọi đẳng trí.

Hỏi: Vì sao nói khổ trí, vì sao nói cho đến đạo trí?

Đáp: Vì bốn hành của khổ hành, cho đến bốn hành của đạo hành, đó gọi là khổ trí, cho đến đạo trí.

Hỏi: Trí thế tục cũng là bốn hành của khổ hành, cho đến bốn hành của đạo hành, vì sao không gọi là khổ trí cho đến đạo trí?

Đáp: Vì trí thế tục này và khổ, tập đồng một sự ràng buộc, cho nên không gọi khổ trí cho đến đạo trí.

Hoặc nói: Vì pháp thế tục này đã chê bai đế, nói là không có khổ, không có tập, tận, đạo, thành ra không nên nói khổ trí cho đến đạo trí. Hoặc nói: Bốn hành của khổ hành, cho đến bốn hành của đạo hành, có thể diệt sự hư hoại, phá tan hữu, đây gọi khổ trí cho đến đạo trí. Trí thế tục dù có bốn hành của khổ hành, cho đến bốn hành của đạo hành, nhưng tăng thêm thọ, nuôi lớn hữu, cho nên không gọi là khổ trí

cho đến đạo trí.

Hoặc nói: Bốn hành của khổ hành, cho đến bốn hành của đạo hành, có thể dứt trừ hữu nối nhau, có thể cắt đứt luân chuyển sinh, già, chết, nên gọi là khổ trí cho đến đạo trí. Trí thế tục dù có bốn hành của khổ hành, cho đến bốn hành của đạo hành, nhưng vì có thể nối tiếp hữu, trôi lăn sinh tử, nên không gọi là khổ trí, cho đến đạo trí.

Hoặc nói: Bốn hành của khổ hành, cho đến bốn hành của đạo hành, khổ tận, hưởng tới đạo, tham tận, hưởng tới đạo, sinh, già, chết tận hưởng tới đạo, nên gọi là khổ trí, cho đến đạo trí. Trí thế tục dù có bốn hành của khổ hành, cho đến bốn hành của đạo hành: Khổ, tập, hưởng tới đạo, hữu, tập, hưởng tới đạo, tham tập hưởng tới đạo, sinh, già, chết tập hưởng tới đạo, cho nên không gọi là khổ trí, cho đến đạo trí.

Hoặc nói: Bốn hành của khổ hành, cho đến bốn hành của đạo hành, chẳng phải hạt giống thân kiến, chẳng phải hạt giống điên đảo, không phải hạt giống ái, không phải hạt giống sử, chẳng phải xứ tham, xứ giận, xứ si, không phải ô nhiễm xen lẫn, không phải chất độc xen lẫn, không phải nhiễm đấm xen lẫn, không phải ở hữu, không rơi vào khổ, tập đế. Đây gọi là khổ trí, cho đến đạo trí.

Trí thế tục dù có bốn hành của khổ hành, cho đến bốn hành của đạo hành, là hạt giống thân kiến, hạt giống điên đảo, ái, sử, xứ tham, giận, si, ô nhiễm xen lẫn, chất độc xen lẫn, vẫn đục hỗn tạp, ở hữu, rơi vào khổ đế, tập đế. Cho nên không gọi là khổ trí, cho đến đạo trí.

Có thuyết nói: Vì bốn việc nên gọi là pháp trí: Vì mới biết pháp nên gọi là pháp trí, vì biết hiện pháp nên gọi pháp trí, vì không phải ngu về pháp nên gọi là pháp trí và vì đối với pháp không phải khi dễ nên gọi là pháp trí.

Vì nhận biết xa nên gọi là vị trí trí. Trí này cũng có bốn sự: từ nhân biết xa quả. Từ quả xa biết nhân. Từ hành động thân, miệng, biết xa tâm. Từ thấy việc thiện, nói pháp, xa biết Đức Thế Tôn.

Trí biết tâm người khác cũng có bốn: Nhân, thứ đệ, duyên, tăng thượng. Trí này có bốn duyên, biết cũng có bốn duyên.

Đẳng trí cũng có bốn việc: Đẳng (cùng) danh, đẳng nối tiếp nhau, đẳng số tục và đẳng đối tượng nhập.

Khổ cũng có bốn việc: Khổ sinh, khổ già, khổ bệnh, khổ suy bại.

Tập cũng bốn việc: Hành, kiết, ái, xứ sở.

Tận cũng có bốn việc:

1. Ba kiết hết.
2. Dục, giận mỏng.
3. Năm kiết phần dưới hết.
4. Tất cả kiết hết.

Đạo cũng có bốn việc:

1. Duyên.
2. Hiện pháp yên vui, du hóa.
3. Thân dạo chơi.

4. Quán việc phải làm đã làm xong.

Tận trí cũng có bốn việc:

1. Tam-muội Không.
2. Không tương ứng, không gồm kiến.
3. Không có trí biết tâm người.
4. Đối tượng mong cầu đã xả.

Trí Vô sinh cũng có bốn việc:

1. Y (nương tựa).
2. Tìm phương tiện.
3. Ý.
4. Không chuyển biến.

Có thuyết nói: Một là trí gồm thấu tất cả trí, pháp trí là trí này, tánh không phải như pháp trí, chỉ vì tánh của mười trí là pháp. Hai là trí gồm thấu tất cả trí. Hữu lậu, vô lậu nối tiếp nhau, không nối tiếp nhau, lệ thuộc, không lệ thuộc. Ba là trí gồm thấu tất cả trí: Pháp trí, vị trí trí và đẳng trí.

Bốn là trí gồm thấu tất cả trí: Pháp trí, vị trí trí, tri tha tâm trí và đẳng trí.

Năm là trí gồm thấu tất cả trí: Khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí và đẳng trí.

Sáu là trí gồm thấu tất cả trí: Khổ, tập, tận, đạo trí, tri tha tâm trí và đẳng trí.

Bảy là trí gồm thấu tất cả trí: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, khổ, tập, tận, đạo trí.

Tám là trí gồm thấu tất cả trí: Pháp trí, vị trí trí, tri tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí.

Hỏi: Nếu tám trí này gồm thấu tất cả trí, chỗ khác lại có tám trí: Pháp giới trụ trí, Niết-bàn trí, sinh tử trí, niệm túc mạng trí, lậu tận trí, diệu trí, tận trí, vô sinh trí, làm sao tám trí này gồm thấu tám trí kia?

Đáp: Tám trí này gồm thấu hết tám trí kia.

Hỏi: Tám trí này gồm thấu tám trí kia là sao?

Đáp: Pháp giới trụ trí là pháp tánh. Trí này gồm thấu bốn trí: Pháp trí, vị trí trí, tri tha tâm trí và đẳng trí. Trí Niết-bàn là tận trí. Trí đó là bốn trí: Pháp trí, vị trí trí, tận trí và đẳng trí.

Sinh tử trí, niệm túc mạng trí: Vốn là thuyết của sư A-tỳ-đàm và sư nước Kế-tân nói là một đẳng trí.

Tôn giả Cù-sa nói: Sinh tử trí, niệm túc mạng trí gồm thấu sáu trí: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí và đạo trí, trừ tri tha tâm trí,

tận trí.

Hỏi: Vì sao trừ tri tha tâm trí?

Đáp: Vì sinh tử trí, niệm túc mạng trí duyên quá khứ, vị lai, tri tha tâm trí duyên hiện tại, cho nên trừ trí này.

Hỏi: Vì sao trừ tận trí?

Đáp: Vì sinh tử trí và niệm túc mạng trí là duyên hữu vi, tận trí duyên vô vi, cho nên trừ tận trí.

Thuyết như thế nói: Sinh tử trí, niệm túc mạng trí là một túc mạng trí.

Tận trí hữu lậu: Hoặc có thuyết nói trí duyên hữu lậu tận là lậu tận trí.

Lại có thuyết nói: Trí lậu tận, nghĩa là trong ý lậu tận có thể đạt được, là trí lậu tận, nghĩa là nói duyên lậu tận, là trí lậu tận, nghĩa là bốn trí này: Pháp trí, vị trí trí, tận trí và đẳng trí. Nói trong ý lậu tận có thể đạt được, là trí lậu tận. Nghĩa là tất cả mười trí trong ý lậu tận có thể đạt được.

Diệu trí: Sư A-tỳ-đàm và sư nước Kế-tân đều nói là một đẳng trí.

Tôn giả Cù-sa nói: Diệu trí, nghĩa là bảy trí: Pháp trí, vị trí trí, tri tha tâm trí, đẳng trí, khổ, tập, đạo trí trừ tận trí.

Hỏi: Vì sao trừ tận trí?

Đáp: Vì diệu trí duyên hữu vi, tận trí duyên vô vi, cho nên trừ tận trí.

Như thế, nói diệu trí, nghĩa là một đẳng trí, tận trí, vô sinh trí, là sáu trí: Pháp trí, vị trí trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí trừ tri tha tâm trí, đẳng trí.

Hỏi: Vì sao trừ tri tha tâm trí?

Đáp: Tận trí, vô sinh trí, tri tha tâm trí, vì không tương ứng, nên trừ tri tha tâm trí.

Hỏi: Vì sao trừ đẳng trí?

Đáp: Vì tận trí, vô sinh trí là vô lậu, đẳng trí là hữu lậu, cho nên trừ đẳng trí.

Như thế, tám trí này gồm thấu tám trí kia.

Có thuyết nói: Nhất thiết trí, nên nói là một trí, vì trí biết, là biết đúng pháp. Mười trí, nên nói là pháp trí và là pháp tánh. Mười trí nên nói là diệu trí vì nguyện mãn. Mười trí nên nói là tận trí, vì được lậu tận. Mười trí nên nói là vô sinh trí, vì không chuyển biến.

Hỏi: Trong tám thứ này có bao nhiêu trí lệ thuộc cõi Dục, bao nhiêu trí lệ thuộc cõi Sắc, bao nhiêu trí lệ thuộc cõi Vô Sắc và bao

nhiều trí không lệ thuộc?

Đáp: Sáu trí là không lệ thuộc. Đẳng trí lệ thuộc ba cõi. Tri tha tâm trí, hoặc lệ thuộc cõi Sắc, hoặc không lệ thuộc.

Địa: Là pháp trí. Sáu địa: Vị lai, trung gian và bốn thiên căn bản. Vị trí trí: chín địa: sáu địa này và ba Vô Sắc, tri tha tâm trí thuộc về bốn thiên căn bản.

Hỏi: Vì sao gọi là bốn thiên căn bản?

Đáp: Vì thần thông, nghĩa là định thần thông có thể đạt được, tri tha tâm trí kia có thể đạt được, không phải là địa căn bản và Vô Sắc, không phải định thần thông có thể đạt được. Đẳng trí ở mười một địa, phần khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, pháp trí thì ở vào sáu địa, phần vị trí được ở vào chín địa.

Sự nương tựa: Pháp trí, tri tha tâm trí dựa vào cõi Dục, vị trí trí, đẳng trí dựa vào ba cõi, phần khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, pháp trí đều dựa vào cõi Dục. Phần vị trí trí nương tựa ba cõi.

Hành: Mười sáu hành của pháp trí, vị trí trí, bốn hành tri tha tâm trí, đạo trí. Đẳng trí hoặc mười sáu hành, hoặc lia mười sáu hành. Khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, mỗi trí đều có bốn hành.

Duyên: Pháp trí, vị trí trí duyên bốn đế. Tri tha tâm trí duyên cõi Dục, cõi Sắc. Đẳng trí duyên pháp tâm, tâm sở hữu lậu, vô lậu khác.

Hoặc duyên bốn đế, hoặc lia bốn đế: Khổ trí duyên khổ đế, tập trí duyên tập đế, tận trí duyên tận đế, đạo trí duyên đạo đế.

Ý chỉ: Bốn ý chỉ của pháp trí, vị trí trí, khổ trí, tập trí, đạo trí. Pháp ý chỉ của tận trí, tri tha tâm trí là tâm ý chỉ. Đẳng trí hoặc là bốn ý chỉ, hoặc lia bốn ý chỉ.

Trí: Tức định trí. Pháp trí, vị trí trí tương ứng với ba Tam-muội. Tri tha tâm trí tương ứng đạo vô nguyện. Đẳng trí hoặc tương ứng với ba Tam-muội, hoặc không tương ứng. Khổ trí tương ứng với hai Tam-muội, tập trí, tận trí, đạo trí, mỗi trí đều tương ứng với một Tam-muội.

Thống (thọ): Pháp trí, vị trí trí, tri tha tâm trí, khổ, tập, tận, đạo trí đều tương ứng với ba căn: lạc căn, hỷ căn, hộ (xả) căn. Đẳng trí, tương ứng với năm căn.

Hỏi: Nên nói quá khứ, nên nói vị lai, hay nên nói hiện tại?

Đáp: Nên nói quá khứ, nên nói vị lai, nên nói hiện tại.

Hỏi: Nên nói là duyên quá khứ? Nên nói là duyên vị lai, hay nên nói là duyên hiện tại?

Đáp: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, hoặc duyên quá khứ, hoặc duyên vị lai, hoặc duyên hiện tại, hoặc lia duyên thế gian. Tri tha tâm trí nên

nói là duyên hiện tại. Khổ trí, tập trí, đạo trí nên nói là duyên quá khứ, nên nói là duyên vị lai. Tận trí nên nói là lia duyên thế gian.

Hỏi: Nên gọi là duyên hay gọi là duyên nghĩa?

Đáp: Nên gọi là duyên danh, nên gọi là duyên nghĩa.

Hỏi: Nên gọi là duyên ý mình, gọi là duyên ý người, hay gọi là lia duyên ý?

Đáp: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, nên gọi là duyên ý mình, nên gọi là duyên ý người, nên gọi là lia duyên ý. Tri tha tâm trí duyên ý người. Khổ trí, tập trí, đạo trí, nên gọi là duyên ý mình, nên gọi là duyên ý của người. Tận trí nên nói là lia duyên ý.

Đã nói rộng về giới hạn của tám trí xong.
